

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày 12/6/2023
V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lý
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn P – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Hoài P – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 5 năm 2023, ngày 02 tháng 6 năm 2023 và ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST - DS ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2023/QĐST - DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đào Văn S, sinh năm 1966

Địa chỉ: Hẻm 970 LD, thôn 1, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đào Tấn S1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 01, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Giấy ủy quyền công chứng số 00757 quyền số 01/2023TP/CC – SCC/HĐGD ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Văn phòng công chứng T). Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đào Thị C, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Đào Văn C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 3, xã KJ, huyện MD, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Anh Đào Văn C1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 7, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Chị Đào Thị C2, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 6, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Chị Đào Thị Bích C3, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Chị Đào Thị Bích L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 2, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Đào Văn P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 2, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Chị Đào Thị Mỹ D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố TA 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

- Anh Đào Văn T;

Địa chỉ: Thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Đào Văn P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2021, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đào Văn S - anh Đào Tấn S1 trình bày:

Bố mẹ ông Đào Văn S là cụ Đào N và cụ Trần Thị M có 03 người con là Đào Văn M, Đào Văn S và Đào Thị C. Cụ Đào N chết năm 1971. Sau này cụ Trần Thị M tạo lập được tài sản là nhà đất tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 cho người sử dụng đất là bà Trần Thị M. Ngày 27 tháng 5 năm 2002 cụ M1 chết, không để lại di chúc. Thời điểm đó ông Đào Văn M1 đang ở chung nhà với cụ nên tiếp tục được ở. Năm 2017 ông M1 chết, bà Dương Thị H tiếp tục ở trên đất cho đến nay. Năm 2013, bà H đập phá nhà cũ của mẹ ông và xây nhà mới, ông có đến để xác định cho bà H được xây dựng trên phần đất 05m mặt đường, thửa đất này có mặt tiền 16,3m đường bê tông. Khi ông yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của mẹ để lại thì bà H và các con cản trở, không đồng ý chia thừa kế. Hiện nay bà H cũng đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này. Nay ông yêu

cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với thừa đất nêu trên thành 03 kỷ phần bằng nhau cho 03 người thừa kế là ông, ông Đào Văn M1 và bà Đào Thị C. Do ông Đào Văn M1 đã mất nên phần thừa kế của ông M1 sẽ giao lại cho những người thuộc hàng thừa kế của ông M1 là vợ và các con gồm: bà Dương Thị H, anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 10 năm 2021, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị H trình bày:

Cụ Đào N và cụ Trần Thị M có 03 người con là ông Đào Văn M1, ông Đào Văn S và bà Đào Thị C. Bà là vợ của ông Đào Văn M. Cụ N mất năm 1971, cụ M mất năm 2002, ông M1 mất năm 2017. Bà và ông M1 có 09 người con gồm: anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P. Đối với tài sản là nhà đất tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 có nguồn gốc là do cụ M tạo lập nên. Khi còn sống, cụ M đã phân chia như sau: ông M1 lấy 05m ngang, ông S lấy 05m ngang, còn 05m ngang là của cụ M dùng để chăm lo khi về già, ai là người phụng dưỡng cụ lúc tuổi già thì sẽ được hưởng phần này, còn bà Đào Thị C đã có phần riêng. Việc phân chia này chỉ nói bằng miệng, không có ai làm chứng.

Bà và ông M có tạo lập được 01 căn nhà riêng từ trước ở nơi khác, có nguồn gốc mua của ông BN (ông Phan Hoàng C4) bằng giấy viết tay, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông M1, còn cụ thể thời gian cấp giấy chứng nhận thì bà không nhớ. Khi ông S đi bộ đội xuất ngũ về quê đã nhận 05m đất được chia nhưng do hoàn cảnh lúc đó có mâu thuẫn trong gia đình nên ông S đã thỏa thuận với ông M1 đổi 05m đất này lấy căn nhà mà vợ chồng bà đang ở. Hai bên thỏa thuận thống nhất trao đổi ngang giá, ông S coi như đã được nhận phần đất do mẹ chia và không có tranh chấp gì về đất cát thừa kế với vợ chồng bà. Việc trao đổi và thống nhất này chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản. Hiện nhà và đất này ông S đã bán lại cho ông Huỳnh Bá L1, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đó đứng tên ông M1 nên khi bán ông S còn nhờ ông M1 đi ký giúp các thủ tục để bán cho ông L1. Sau khi trao đổi nhà vợ chồng bà đã chuyển về ở nhà của mẹ chồng ở để phụng dưỡng cụ M cho đến khi cụ mất trong suốt hơn 30 năm.

Lúc cụ M đau ốm cũng chỉ có vợ chồng bà chăm sóc, lúc cụ M1 qua đời cũng chỉ có vợ chồng bà lo đám tang, xây mồ mả, cúng giỗ suốt từ đó đến nay chứ không hề thấy ông S, bà C đóng góp công sức, tiền bạc. Đất của cụ M mỗi mùa mưa nước ngập đến bụng, bà mua 250 xe đất đổ xuống nền đất mới vững chắc, bằng phẳng như hiện nay. Trong thời gian đó,

ông S nhận nhà của vợ chồng tôi mới không tranh chấp đất của cụ M; thời gian 10 năm gần đây ông S mỗi lần say rượu lại đến nhà tôi yêu cầu chia đất.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ M là thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 bà không đồng ý. Nếu ông S muốn chia thừa kế thì phải trả lại cho bà và các con nhà đất trước đây đã trao đổi.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị C vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 10 năm 2021, đơn Đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 5 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của bà Đào Thị C như sau:

Bà là em của ông Đào Văn M, là chị của ông Đào Văn S. Bà Dương Thị H là chị dâu của bà, các anh chị gồm: anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P là con của ông Đào Văn M1 và bà Dương Thị H. Bà thống nhất di sản thừa kế của cụ Trần Thị M là thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990. Bà không biết khi còn sống cụ M có cho ông S 05m ngang đất và việc ông S thỏa thuận đổi 05m ngang đất này cho ông M1.

Nay ông Đào Văn S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Trần Thị M để lại thành 03 kỷ phần bằng nhau, bà đồng ý và đề nghị được nhận phần di sản bằng hiện vật tương ứng với diện tích đất tính theo 03m đất chia đều ngang giáp mặt đường.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị C2 vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 10 năm 2021, ngày 22 tháng 11 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ, ý kiến của chị Đào Thị C2 như sau:

Chị là con đẻ của ông Đào Văn M1 và bà Dương Thị H. Ngoài 09 (chín) anh chị em của chị, ông M1 và bà Hoa không có người con riêng, không nhận con nuôi khác. Về nguồn gốc thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 do bà nội chị là cụ Trần Thị M tạo lập nên. Khi cụ M còn sống, chị được bà kể về việc phân chia tài sản này cho cha chị Đào Văn M1 05m ngang, ông Đào Văn S 05m ngang, còn 05m ngang để bà nội dưỡng già. Việc cha mẹ chị thống nhất trao đổi nhà với ông S là có thật nhưng hai bên có lập thành văn bản vào thời điểm chuyển đổi hay không thì chị không có thông tin.

Sau khi thu thập được các chứng cứ gồm “Giấy sang nhà” ngày 04 tháng 5 năm 1986, “Giấy đặc cộc” ngày 30 tháng 4 năm 2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK 323759 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho ông Huỳnh Bá L1 và bà Nguyễn Thị S1 ngày 25 tháng 9 năm 2017 (bản giao cho Tòa án là bản photocopy). Các chứng cứ này chứng minh phần thừa kế của ông S trong khối tài sản của cụ M đã được giải quyết bằng việc ông S đổi lấy căn nhà cha mẹ chị mua của ông Phan Hoàng C4 còn bố mẹ chị chuyển về chung sống với cụ M để vừa phụng dưỡng bà vừa quản lý tài sản. Căn nhà cha mẹ chị đổi cho ông S có nguồn gốc mua của ông Phan Hoàng C4 vào năm 1986. Sau khi đổi cho ông S mới có việc năm 2001 ông S bán căn nhà này cho ông Huỳnh Bá L1. Do đó, ông S không còn quyền thừa kế gì đối với di sản của bà nội chị để lại. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S. Trường hợp ông S muốn chia thừa kế thì phải trả lại nhà và đất đã đổi với cha mẹ chị trước đây. Chị không có yêu cầu nhận phần di sản thừa kế trong phần di sản của cụ Trần Thị M được phân chia cho ông Đào Văn M1 mà chuyển phần di sản này cho mẹ là bà Dương Thị H.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn C1, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Bích Lưỡng mặt nhưng theo các biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của anh Đào Văn C1, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Bích L như sau:

Anh, chị là con đẻ của ông Đào Văn M1 và bà Dương Thị H. Ngoài 09 (chín) anh chị em của các anh chị, ông M1 và bà Hoa không có người con riêng, không nhận con nuôi khác. Nguồn gốc quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 là do cụ Trần Thị M tạo lập nên. Đối với thỏa thuận trao đổi nhà giữa ông Đào Văn M1 và ông Đào Văn S, khi còn nhỏ anh chị không biết. Khi trưởng thành, anh chị được biết trước đây ông S đi bộ đội về có thời gian chung sống cùng nhà với bà Trần Thị M và cha mẹ anh chị; vào thời điểm ông S lấy vợ thì cha mẹ anh chị đang ở nhà riêng; ông S và cha mẹ anh chị có thỏa thuận trao đổi nhà với nhau cụ thể như thế nào thì anh chị không được rõ. Anh chị chỉ thấy cha mẹ anh bán bò, bán ghé mua nhà ra ở riêng thì theo cha mẹ về ở nhà mới. Sau khi đổi nhà, ông S ra ở nhà của cha mẹ anh chị còn cha mẹ anh chị dọn về ở nhà của bà M và phụng dưỡng bà. Căn nhà của bà M trước đây là căn nhà xưa cũ, không rõ do ai xây dựng. Còn căn nhà hiện nay bà Dương Thị H đang sinh sống cùng với em Đào Văn T, em Đào Văn P là do bà H cùng các anh chị em trong gia đình đóng góp xây dựng nên.

Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn S về việc chia thừa kế đối với tài sản của bà Trần Thị M. Ông S muốn được chia thừa kế đối với đất của bà M thì phải trả lại nhà đất đã nhận đổi trước đây cho bà Dương Thị H. Anh chị không có yêu cầu

nhận phần di sản thừa kế trong phần di sản của cụ Trần Thị M được phân chia cho ông Đào Văn M1 mà chuyển phần di sản này cho mẹ là bà Dương Thị H.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Bích C3 và chị Đào Thị Mỹ D vắng mặt nhưng tại các biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 11 năm 2022, ngày 22 tháng 12 năm 2022, ý kiến của chị Đào Thị Bích C3 và chị Đào Thị Mỹ D trình bày:

Các chị là con đẻ của ông Đào Văn M1 và bà Dương Thị H. Ngoài 09 (chín) anh chị em của các chị, ông M1 và bà H không có người con riêng, không nhận con nuôi khác. Các chị thống nhất nguồn gốc thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 là do cụ Trần Thị M tạo lập nên. Về quá trình thỏa thuận trao đổi nhà của cha mẹ ông Đào Văn M1, bà Dương Thị H với ông Đào Văn S thì các chị cũng được biết nội dung thông tin như anh trai Đào Văn C1 đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp bổ sung thông tin khác. Căn nhà hiện nay bà Dương Thị H, em Đào Văn T, em Đào Văn P đang cư trú là do bà H cùng các anh chị em trong gia đình đóng góp xây dựng nên.

Nay ông Đào Văn S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản của cụ Trần Thị M các chị không đồng ý, đề nghị ông S phải trả lại nhà đất đã trao đổi với cha mẹ chị trước đây sau đó mới được chia thừa kế. Các chị không yêu cầu nhận phần di sản thừa kế thuộc di sản của cụ Trần Thị M mà ông Đào Văn M1 được phân chia mà nhất trí chuyển phần di sản này cho mẹ là bà Dương Thị H.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 11 năm 2021, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn P trình bày:

Anh là con đẻ của của ông Đào Văn M1 và bà Dương Thị H. Ngoài 09 (chín) anh chị em của anh, ông M1 và bà Hoa không có người con riêng, không nhận con nuôi khác. Nguồn gốc thửa đất số 884A (95 cũ), tờ bản đồ số 05 tại thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30 tháng 7 năm 1990 là do cụ Trần Thị M tạo lập nên. Anh cũng chỉ được nghe kể lại việc cụ M khi còn sống có phân chia cho cha anh Đào Văn M 05m ngang, ông Đào Văn S 05m ngang, còn 05m ngang đất là phần bà nội để dưỡng già còn nội D sự việc chính xác như thế nào anh không biết.

Việc trao đổi nhà giữa cha mẹ anh với ông S là có thật. Anh không được biết cụ thể nội dung thỏa thuận, thời điểm thỏa thuận nhưng khi anh được 7-8 tuổi thì người mua lại căn nhà này từ ông S có đến gặp cha mẹ anh để ông bà ký giấy tờ chuyển nhượng, cha anh là người trực tiếp ký giấy tờ.

Căn nhà cùng mái che, sân xi măng là do bà H cùng với các anh chị em trong đó có anh đóng góp xây dựng nên. Giếng nước là do bà H trả chi phí thuê người đào. Hiện tại anh đang sống chung với mẹ và anh Đào Văn T, anh chưa có ý kiến, yêu cầu gì đối với phần đóng góp của anh trong tổng chi phí xây dựng các tài sản trên đất.

Trường hợp chia thừa kế di sản của cụ Trần Thị M, ông S phải trả lại nhà, đất cũ đã trao đổi cho cha mẹ anh. Anh yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế thuộc di sản của cụ Trần Thị M mà ông Đào Văn M1 được phân chia.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Phan Hoàng C4 vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2022, ý kiến của ông Phan Hoàng C4 như sau:

Ông không có quan hệ thân thích gì với ông Đào Văn M1 và ông Đào Văn S. Năm 1986 ông bán 01 (một) căn nhà cho ông M1 theo Giấy sang nhà ngày 04 tháng 5 năm 1986 mà chị Đào Thị C2 đã cung cấp cho Tòa án. Nội dung Giấy sang nhượng là do ông Nguyễn Q viết vì ông Q làm chứng cho việc mua bán giữa ông với ông M1, chữ ký dưới mục “Người sang nhà ở” là do ông ký. Ông không nhớ rõ vị trí căn nhà đã bán cho vợ chồng ông M nhưng có thể xác định căn nhà này chính tại vị trí căn nhà mà hiện nay vợ chồng ông Huỳnh Bá L1 đang sinh sống, làm ăn. Khi mua vợ chồng ông M1 trực tiếp ra nhà ông và giao tiền cho ông. Sau này ông lại thấy vợ chồng ông S chuyển về đây ở nhưng ông cũng không hỏi lý do vì không còn liên quan nữa.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Huỳnh Bá L4 vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2022, ý kiến của ông Huỳnh Bá L4 như sau:

Ông và vợ Nguyễn Thị S1 không có quan hệ thân thích gì với ông Đào Văn M1 và ông Đào Văn S. Ông và bà S1 mua lại căn nhà từ ông S năm 2001. Giấy đặt cọc tiền ngày 30 tháng 4 năm 2001 mà chị Đào Thị C2 cung cấp cho Tòa án là do ông Đào Văn S viết, ký và ghi họ tên bên dưới mục “người viết nhận tiền”, ông ký và ghi họ tên của mình bên dưới mục “người đặt cọc”. Vị trí, diện tích căn nhà ông S bán cho vợ chồng ông tọa lạc ngay vị trí, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 323759 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho Huỳnh Bá L4, Nguyễn Thị S1 ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn C, anh Đào Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh Đào Văn C, anh Đào Văn T không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn S. Riêng anh Đào Văn C, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06 tháng 01 năm 2023, anh C có mặt, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S nhưng sau đó anh tự ý bỏ về, không ký biên bản.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử không đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn S

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thôn 05 (nay là thôn 03), xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 884a (95 cũ), tờ bản đồ số 05, diện tích 793m² trong đó có 600m² đất ở và 193m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 ngày 30 tháng 7 năm 1990 đứng tên Trần Thị M. Trị giá di sản qua định giá là 2.592.000.000 (hai tỷ năm trăm chín mươi hai triệu) đồng.

- Những người thừa kế theo pháp luật là ông Đào Văn S, bà Đào Thị C và bà Dương Thị H cùng các con anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P.

- Phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật thành 03 lô đất trong phạm vi diện tích được công nhận quyền sử dụng đất theo chia đều ngang lô đất tiếp giáp mặt đường. Bà Dương Thị H cùng các con được nhận 01 lô đất; anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D không nhận phần di sản của anh chị mà chuyển cho bà Dương Thị H nên bà H chỉ có nghĩa vụ thanh toán trị giá phần di sản ngang nhau cho anh Đào Văn C, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P. Bà Đào Thị C và ông Đào Văn S, mỗi người được nhận phần di sản thừa kế là 01 lô đất trong số 02 lô đất còn lại.

- Phần diện tích đất 51,2m² chưa được công nhận quyền sử dụng đất được tạm giao cho bà Dương Thị H, ông Đào Văn S và bà Đào Thị C quản lý, sử dụng tương ứng theo vị trí, diện tích phần di sản được nhận.

- Nguyên đơn ông Đào Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Những người thừa kế được nhận di sản thừa kế phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần di sản đã nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Trần Thị M chết năm 2002 không để lại di chúc. Ông Đào Văn S là con đẻ của cụ M là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế.

Tranh chấp phát sinh từ những người thừa kế di sản của cụ Trần Thị M không thống nhất được cách thức phân chia di sản nên đây là Tranh chấp về thừa kế tài sản; bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đào Thị C, anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T vắng mặt; anh Chung, anh T đã được triệu tập hợp Lễ để tham gia phiên toà nhưng các anh vắng mặt không có lý do; bà C có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Chương, chị C2, chị C3, chị L, anh P, chị D có Đơn đề nghị Toà án tiến hành thủ tục tố tụng, hoà giải và xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải”*. Toà án nhận được Đơn phản tố của bà Dương Thị H ngày 24 tháng 4 năm 2023 sau thời điểm mở phiên toà đầu tiên ngày 21 tháng 4 năm 2023 nên bà H không còn quyền phản tố trong vụ án này. Bên cạnh đó nội D yêu cầu phản tố *“Buộc ông Đào Văn S phải trả lại nhà và đất (Đất có diện tích 800 mét vuông) tại thôn 3 xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho gia đình chúng tôi là bà Dương Thị H”* không liên quan đến giao dịch hoặc nghĩa vụ của người để lại di sản nên không thụ lý giải quyết trong vụ án chia thừa kế. Bà Dương Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu phản tố trong vụ án khác.

[2] Khi còn sống, cụ Trần Thị M tạo lập được tài sản: Quyền sử dụng đất tại thôn 05 (nay là thôn 03), xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 884a (95 cũ), tờ bản đồ số 05, diện tích 793m² trong đó có 600m² đất ở và 193m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 ngày 30 tháng 7 năm 1990 đứng tên Trần Thị M. Ông Đào Văn S không thừa nhận việc cụ M khi còn sống đã tặng cho ông 05m, ông Đào Văn M 05m đất theo C3ều ngang mặt đường, bà Dương Thị H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên căn cứ theo Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015,

toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên được xác định là di sản do cụ Trần Thị M để lại. Trị giá di sản qua định giá là 2.592.000.000 (hai tỷ năm trăm chín mươi hai triệu) đồng.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 11 năm 2022, di sản có diện tích 844,2m² lớn hơn so với diện tích được công nhận quyền sử dụng đất là 51,2m² với tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông B dài 4,66m + 5,68m + 4,55m; Phía Tây giáp đường dài 16,20m; Phía Nam giáp đất ông T1 dài 3,74m + 12,95m + 2,15m + 3,82m + 5,88m + 10,04m + 15,77m; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 4,97m + 35,48m + 5,48m. So sánh với Sơ đồ trích lục thực trạng nhà đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P lập ngày 13 tháng 02 năm 2014: hình dáng lô đất không có sự thay đổi lớn, chiều ngang giáp đường tức là cạnh phía Tây của di sản giảm 0,1m, chiều ngang giáp đất ông B tức là cạnh phía Đông tăng 2,09m, chiều dài giáp đất ông T2 tức là cạnh phía Tây của di sản tăng 2,13m, chiều dài giáp đất ông T1 tức là cạnh phía Nam của di sản giảm 0,85m. Các chủ sở hữu bất động sản liền kề xây dựng nhà kiên cố và hàng rào làm ranh giới đất, sử dụng ổn định trong thời gian dài. Di sản vào thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ không phát sinh tranh chấp về ranh giới đối với các bất động sản liền kề. Như vậy, diện tích di sản trên thực tế lớn hơn đất được cấp quyền sử dụng là do quá trình cải tạo vùng đất sụt lún ở khu vực đất nông nghiệp nằm ở đuôi lô đất. Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 thì: “*Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã được cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế...*” Từ đó, tạm xác định phần diện tích 51,2m² đất là di sản cần tạm giao cho những người thừa kế một phần diện tích tương ứng liền kề với phần đất được chia thừa kế.

Cha mẹ cụ Trần Thị M qua đời năm 1960 và năm 1964, đến năm 1971 chồng của cụ Trần Thị M là cụ Đào N chết sau đó năm 2002 cụ Trần Thị M chết. Vợ chồng cụ Đào N, cụ Trần Thị M có 03 (ba) con chung là ông Đào Văn M1, bà Đào Thị C và ông Đào Văn S. Do cụ M không để lại di chúc thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật và các con cụ M là hàng thừa kế thứ nhất còn sống vào thời điểm mở thừa kế nên được xác định là những người thừa kế, mỗi người hưởng phần di sản ngang nhau.

Ông Đào Văn M1 mất năm 2017, ông M1 và bà Dương Thị H có 09 người con: anh Đào Văn C, anh Đào Văn C1, chị Đào Thị C2, chị Đào Thị Bích C3, chị Đào Thị Bích L, anh Đào Văn P, chị Đào Thị Mỹ D, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P. Bà H và 09 người con được xác định là người thừa kế hưởng phần di sản được phân chia cho ông Đào Văn

M1, mỗi người có quyền hưởng một phần. Quá trình tham gia tổ tụng, anh C1, chị C2, chị C3, chị L, anh P, chị D đều thống nhất phần trị giá di sản mà anh chị được hưởng giao lại cho bà Dương Thị H. Do đó trong phần di sản được phân chia cho ông M, bà H được hưởng 7/10, anh C, anh T, anh P, mỗi người hưởng phần bằng nhau là 1/10. Do bà Dương Thị H nhận phần lớn trị giá tài sản nên cần được giao phần di sản là đất trên thực tế còn anh C, anh T, anh P nhận phần di sản là tiền do bà H thanh toán.

Sau khi cụ M chết, bà Dương Thị H thực hiện toàn bộ việc cúng giỗ hàng năm, trực tiếp quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản trong thời gian hơn 20 năm làm cho giá trị di sản tăng lên. Bà H không đồng ý chia di sản thừa kế vì theo bà toàn bộ di sản của cụ M thuộc về bà và chồng ông Đào Văn M1 theo sự phân chia của cụ M khi còn sống và thỏa thuận trao đổi ngang giá giữa ông M và ông Đào Văn S. Từ đó, bà H cũng không có yêu cầu cụ thể về công sức đóng góp trong khối di sản thừa kế và không cung cấp chứng cứ chứng minh công sức đóng góp. Tuy nhiên, áp dụng Án lệ số 05/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 khi quyết định chia thừa kế cần thiết phải xem xét công sức đóng góp của bà H. Mặc dù, không có chứng cứ chứng minh nhưng dựa trên việc bà H sinh sống, cải tạo đất, xây dựng nhà mới khi nhà cũ bị hư hại không thể tiếp tục sử dụng trong thời gian 20 năm thì công sức đóng góp của bà Hoa vào việc quản lý tôn tạo di sản thừa kế tương đương trị giá một phần di sản. Do đó, di sản cần thiết chia thành 04 phần ngang nhau, bà Dương Thị H được hưởng thêm một phần bên cạnh phần di sản được phân chia cho ông Đào Văn M1.

Trên đất có 01 nhà ở riêng lẻ, 01 tầng có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn, giá trị sử dụng còn lại là 80%, diện tích 100m²; 01 giếng khoan đường kính lỗ khoan phi nhỏ hơn 200mm, có độ sâu 50m; mái che khung thép hình, cột thép, đường kính đèn phi 50mm, sân bê tông đá 4x6, vữa xi măng dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm, diện tích 23m². Ông S và bà C thừa nhận các tài sản này do gia đình bà Dương Thị H tự tạo lập sau khi cụ M chết nên được xác định không phải là di sản thừa kế. Khi bà H xây dựng có sự đồng ý của ông S nên vị trí phần đất di sản phân chia cho ông Đào Văn M1 trên thực tế cần gắn với vị trí của nhà ở bà H đã xây dựng.

[3] Phân chia di sản thừa kế:

3.1 Đối với di sản là đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062, Chiều ngang di sản tiếp giáp mặt đường là 16,2m, vị trí 600m² đất ở tại phần đầu lô đất nên cần thiết phân chia đều theo chiều ngang mặt đường. Cụ thể:

Phần di sản ông Đào Văn M1 được nhận có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Dương Thị H được tạm giao dài 4,26m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất phân chia cho bà Dương Thị H dài 44,57m; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 4,97m + 35,48m +

2,01m; diện tích 174,9m² trong đó có 150m² đất ở và 24,9m² đất nông nghiệp. Phần di sản có giá thị trường qua định giá là 160.000.000 đồng/1m ngang x 4,05m = 648.000.000 (sáu trăm bốn mươi tám triệu) đồng. Bà Dương Thị H được nhận phần di sản này và có trách nhiệm thanh toán cho anh Đào Văn C, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P, mỗi người số tiền 64.800.000 (sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn) đồng.

Phần di sản bà Dương Thị H được nhận cho công sức đóng góp có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Dương Thị H được tạm giao dài 3,89m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất phân chia cho bà Đào Thị C dài 46,6m; Phía Bắc giáp đất phân chia cho ông Đào Văn M dài 44,57m; diện tích 174,8m² trong đó có 150m² đất ở và 24,8m² đất nông nghiệp.

Tổng cộng, bà Dương Thị H được nhận phần di sản có diện tích 349,7m² trong đó có 300m² đất ở và 49,7m² đất nông nghiệp, tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Dương Thị H được tạm giao dài 8,15m; Phía Tây giáp đường dài 8,1m; Phía Nam giáp đất phân chia cho bà Đào Thị C dài 46,6; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 4,97m + 35,48m + 2,01m. Trên đất có tài sản là 01 nhà ở riêng lẻ, 01 tầng có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn, giá trị sử dụng còn lại là 80%, diện tích 100m²; mái che khung thép hình, cột thép, đường kính đến phi 50mm, sân bê tông đá 4x6, vữa xi măng dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm, diện tích 23m².

Phần di sản bà Đào Thị C được nhận có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Đào Thị C được tạm giao dài 3,85m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất được phân chia cho ông Đào Văn S dài 48,67m; Phía Bắc giáp đất phân chia cho bà Dương Thị H dài 46,6m; diện tích 181,5m² trong đó có 150m² đất ở và 31,5m² đất nông nghiệp. Trên đất có tài sản 01 giếng khoan đường kính lỗ khoan phi nhỏ hơn 200mm, có độ sâu 50m, qua định giá có giá 23.200.000 (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Giếng khoan do bà Dương Thị H tạo lập nên khi nhận phần di sản bà Đào Thị C phải thanh toán cho bà H trị giá của giếng khoan theo giá được Hội đồng định giá kết luận tại Biên bản định giá tài sản ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Phần di sản ông Đào Văn S được nhận có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Đào Văn S được tạm giao dài 3,86m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất ông T1 dài 3,74m + 12,95m + 2,15m + 3,82m + 5,88m + 10,04m + 12,4m; Phía Bắc giáp đất được phân chia cho bà Đào Thị C dài 48,67m; diện tích 261,8m² trong đó có 150m² đất ở và 111,8m² đất nông nghiệp. Diện tích đất ngoài đất ở của phần di sản sau khi được chia lớn hơn diện tích $\frac{1}{4}$ 193m² tương đương 48,25m² nên ông Đào Văn S có nghĩa vụ thanh toán theo giá nhà nước qua định giá là 700.000đồng/1m² thành tiền 700.000đồng/1m² x 63,55m²

= 44.485.000 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Cụ thể: Ông Sang thanh toán cho bà Đào Thị C 11.725.000 (mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, bà Dương Thị H 16.415.000 (mười sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng, bà Dương Thị H cùng các anh Đào Văn C, Đào Văn T và Đào Văn P là 16.345.000 (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

3.2 Đối với phần diện tích đất 51,2m² đất nông nghiệp tạm xác định là di sản chưa được công nhận quyền sử dụng đất, tạm giao cho các chủ thể sau đây quản lý, sử dụng và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết cấp bổ sung quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

Tạm giao cho bà Dương Thị H quản lý, sử dụng phần diện tích đất 24,8m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Báu dài 3,64m + 1,02m + 2,95m; Phía Tây giáp phần đất được phân chia cho bà Dương Thị H dài 4,26m + 3,89m; Phía Nam giáp đất tạm giao cho bà Đào Thị C dài 3,55m; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 3,47m;

Tạm giao cho bà Đào Thị C quản lý, sử dụng phần diện tích đất 13,8m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Báu dài 2,73m + 1,17 m; Phía Tây giáp phần đất được phân C3a cho bà Đào Thị C dài 3,85m; Phía Nam giáp đất tạm giao cho ông Đào Văn S dài 3,72m; Phía Bắc giáp đất tạm giao cho bà Dương Thị H dài 3,55m;

Tạm giao cho ông Đào Văn S quản lý, sử dụng phần diện tích đất 12,6m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Báu dài 3,38m; Phía Tây giáp phần đất được phân C3a cho ông Đào Văn S dài 3,86m; Phía Nam giáp đất ông Thái dài 3,37m; Phía Bắc giáp đất được tạm giao cho bà Đào Thị C dài 3,72m;

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Mục 10 phần Dân sự Giải đáp 89/TANDTC - PC ngày 30 tháng 6 năm 2020; những người thừa kế được nhận phần di sản, công sức đóng góp phải chịu án phí tương ứng với trị giá phần tài sản được chia, được hưởng trong khối di sản thừa kế tính theo giá đất theo giá thị trường:

- Ông Đào Văn S phải chịu án phí là 29.920.000 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng

- Bà Đào Thị C phải chịu án phí là 29.920.000 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng

- Bà Dương Thị H chịu 29.920.000 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng đối với phần di sản được hưởng do công sức đóng góp và 20.944.000 (hai mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng đối với phần di sản của ông Đào Văn M

- Anh Đào Văn C, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P, mỗi người chịu án phí: 5% x 64.800.000 đồng = 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 7.028.489 (bảy triệu không trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi chín) đồng, ông Đào Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này. Trong quá trình tham gia tố tụng ông S đã nộp tạm ứng toàn bộ xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nên ông S đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 98 Luật Đất đai năm 2013

- Căn cứ các Điều 4, Điều 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 97, Điều 186, Điều 200, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lphí Tòa án; Mục 10 Công văn số 89/TANDTC – PC ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn S về chia di sản thừa kế.

Giao bà Dương Thị H nhận phần di sản là một phần quyền sử dụng đất tại thôn 03, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai có diện tích 349,7m² trong đó có 300m² đất ở và 49,7m² đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 884a (95 cũ), tờ bản đồ số 05, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp cho bà Trần Thị M ngày 30 tháng 7 năm 1990 có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Dương Thị H được tạm giao dài 8,15m; Phía Tây giáp đường dài 8,1m; Phía Nam giáp đất phân chia cho bà Đào Thị C dài 46,6m; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 4,97m + 35,48m + 2,01m. Trên đất có tài sản là 01 nhà ở riêng lẻ, 01 tầng có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn, giá trị sử dụng còn lại là 80%, diện tích 100m²; mái che khung thép hình, cột thép, đường kính đến phi 50mm, sân bê tông đá 4x6, vữa xi măng dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm, diện tích 23m².

Giao bà Đào Thị C nhận phần di sản là một phần quyền sử dụng đất tại thôn 03, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai có diện tích $181,5\text{m}^2$ trong đó có 150m^2 đất ở và $31,5\text{m}^2$ đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 884a (95 cũ), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp cho bà Trần Thị M ngày 30 tháng 7 năm 1990 có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Đào Thị C được tạm giao dài 3,85m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất được phân chia cho ông Đào Văn S dài 48,67m; Phía Bắc giáp đất phân chia cho bà Dương Thị H dài 46,6m. Trên đất có tài sản 01 giếng khoan đường kính lỗ khoan phi nhỏ hơn 200mm, có độ sâu 50m.

Giao ông Đào Văn S nhận phần di sản là một phần quyền sử dụng đất tại thôn 03, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai có diện tích $261,8\text{m}^2$ trong đó có 150m^2 đất ở và $111,8\text{m}^2$ đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 884a (95 cũ), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp cho bà Trần Thị M ngày 30 tháng 7 năm 1990 có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Đào Văn S được tạm giao dài 3,86m; Phía Tây giáp đường dài 4,05m; Phía Nam giáp đất ông T1 dài $3,74\text{m} + 12,95\text{m} + 2,15\text{m} + 3,82\text{m} + 5,88\text{m} + 10,04\text{m} + 12,4\text{m}$; Phía Bắc giáp đất được phân chia cho bà Đào Thị C dài 48,67m.

Tạm giao cho bà Dương Thị H quản lý, sử dụng phần diện tích đất $24,8\text{m}^2$ có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông B dài $3,64\text{m} + 1,02\text{m} + 2,95\text{m}$; Phía Tây giáp phần đất được phân chia cho bà Dương Thị H dài 8,15m; Phía Nam giáp đất tạm giao cho bà Đào Thị C dài 3,55m; Phía Bắc giáp đất ông T2 dài 3,47m;

Tạm giao cho bà Đào Thị C quản lý, sử dụng phần diện tích đất $13,8\text{m}^2$ có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông B dài $2,73\text{m} + 1,17\text{m}$; Phía Tây giáp phần đất được phân chia cho bà Đào Thị C dài 3,85m; Phía Nam giáp đất tạm giao cho ông Đào Văn S dài 3,72m; Phía Bắc giáp đất tạm giao cho bà Dương Thị H dài 3,55m;

Tạm giao cho ông Đào Văn S quản lý, sử dụng phần diện tích đất $12,6\text{m}^2$ có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Báu dài 3,38m; Phía Tây giáp phần đất được phân chia cho ông Đào Văn S dài 3,86m; Phía Nam giáp đất ông T1 dài 3,37m; Phía Bắc giáp đất được tạm giao cho bà Đào Thị C dài 3,72m;

(Theo bản photocopy Kết quả trích đo hiện trạng sử dụng đất của bà Trần Thị M của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trắc địa Bản đồ NT kèm theo bản án)

Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, bà Dương Thị H phải bàn giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 148062 do Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) cấp cho bà Trần Thị M ngày 30 tháng 7 năm 1990.

Bà Dương Thị H, bà Đào Thị C, ông Đào Văn S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, quyết định cấp quyền sử dụng đối với phần di sản được nhận thừa kế, được tạm giao theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đào Văn C, anh Đào Văn T và anh Đào Văn P, mỗi người số tiền 64.800.000 (sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ông Đào Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đào Thị C 11.725.000 (mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, thanh toán cho bà Dương Thị H 16.415.000 (mười sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng, thanh toán cho bà Dương Thị H cùng các anh Đào Văn C, Đào Văn T và Đào Văn P là 16.345.000 (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Đào Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Thị H số tiền 23.200.000 (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 50.864.000 (năm mươi triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

Bà Đào Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.920.000 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng

Ông Đào Văn S phải chịu án phí 29.920.000 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng nhưng được khấu vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000807 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P. Ông Đào Văn S còn phải nộp số tiền 24.920.000 (hai mươi tư triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng sung công quỹ nhà nước

Anh Đào Văn C, anh Đào Văn T, anh Đào Văn P, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

